

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

QUY TRÌNH ĐIỀU TRA THỰC VẬT RỪNG

SOẠN THẢO	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT
NHÂN VIÊN PHÒNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT 	TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT 	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC 
Nguyễn Thị Thu Loan	Hồ Thị Thu An	Nguyễn Duy Tâm

TRANG KIỂM SOÁT VĂN BẢN

A. KIỂM SOÁT PHÂN PHỐI

STT	PHÒNG, ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÂN PHỐI	SỐ LƯỢNG
1	Ban Tổng Giám đốc	03
2	Hội đồng thành viên	05
3	Kiểm soát viên	03
4	Phòng Quản lý Kỹ thuật	01
5	Phòng Thị trường kinh doanh	01
6	Phòng Tài chính kế toán	01
7	Phòng Quản lý đầu tư và xây dựng	01
8	Phòng Tổ chức - Lao động tiền lương	01
9	Phòng pháp chế thanh tra - Bảo vệ	01
10	Văn phòng Công ty	01
11	Văn phòng Công đoàn	01
12	08 Đội trực thuộc	08

B. KIỂM SOÁT SỬA ĐỔI

Tóm tắt các thay đổi:

- Ban hành Lần 03 Quy trình Điều tra thực vật rừng
- Lý do thay đổi: Bổ sung, điều chỉnh thêm các nội dung trong tài liệu này.
- Nội dung cập nhật sửa đổi:
 - + Kiểm soát phân phối: Thay đổi cơ cấu tổ chức, trang 2/12.
 - + Thay đổi mô hình quản lý từ ba cấp: Công ty – Nông trường – Tổ xuống còn hai cấp Công ty – Đội
 - + Phòng Quản lý chất lượng sát nhập vào phòng Thị trường kinh doanh theo Quyết định số 1638 ngày 27/11/2024 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Phòng Kế hoạch đầu tư đổi tên thành phòng Quản lý đầu tư và xây dựng theo Quyết định số 837 ngày 15/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Phòng Thanh tra bảo vệ quân sự đổi tên thành phòng Pháp chế thanh tra bảo vệ theo Quyết định số 836 ngày 15/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh

1. Mục đích

Đánh giá thực trạng hệ thực vật rừng trong và vùng lân cận thuộc diện tích rừng trồng cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh và đề xuất những giải pháp, kế hoạch quản lý, bảo tồn và phát triển theo phương án quản lý rừng bền vững.

2. Phạm vi

Đánh giá thực trạng hệ thực vật rừng trong và vùng lân cận thuộc diện tích rừng trồng cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh.

3. Các định nghĩa, thuật ngữ và từ viết tắt

3.1. Định nghĩa, thuật ngữ

Cây biến đổi gen: Là sinh vật có cấu trúc di truyền bị thay đổi bằng công nghệ chuyển gen. Luật đa dạng sinh học 2008, số 20/2018/Q12.

Lâm sản ngoài gỗ: Bao gồm những sản phẩm có nguồn gốc sinh vật khác gỗ, được khai thác từ rừng, đất có cây rừng và cây ở ngoài rừng. FAO.19999

Loài bản địa: Là loài sinh vật chỉ tồn tại, phát triển trong phạm vi phân bố hẹp và giới hạn trong một vùng lãnh thổ nhất định của Việt Nam mà không được ghi nhận là có ở nơi khác trên thế giới. Luật đa dạng sinh học 2008, số 20/2018/Q12.

Loài hoang dã: Là loài động vật, vi sinh vật và nấm sinh sống và phát triển theo quy luật. Luật đa dạng sinh học 2008, số 20/2018/Q12.

Loài ngoại lai: Là loài sinh vật xuất hiện và phát triển ở khu vực vốn không phải là môi trường sống tự nhiên của chúng. Luật đa dạng sinh học 2008, số 20/2018/Q12.

Loài ngoại lai xâm hại: Là loài ngoại lai lấn chiếm nơi sinh sống hoặc gây hại đối với các loài sinh vật bản địa, làm mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển. Luật đa dạng sinh học 2008, số 20/2018/Q12.

Loài nguy cấp quý, hiếm: Là loài hoang dã, giống cây trồng, giống vật nuôi, vi sinh vật và nấm đặc hữu, có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hóa – lịch sử mà số lượng còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng.

3.2. Các từ viết tắt

QLRBV: Quản lý rừng bền vững

BNNPTNT : Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

VFCS : Hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam

4. Tài liệu liên quan

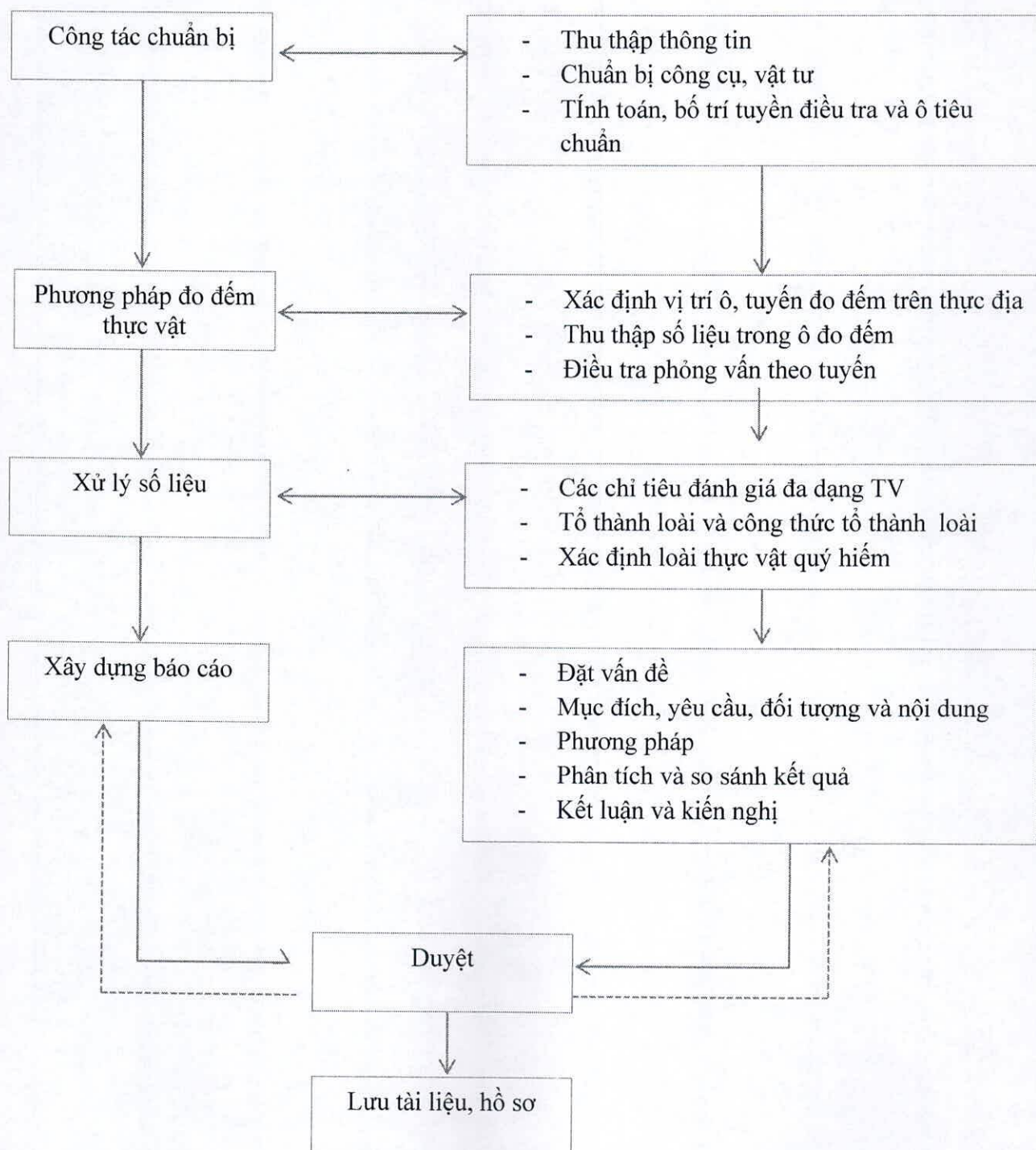
Sổ tay, tài liệu hướng dẫn quản lý rừng bền vững. Tổng cục lâm nghiệp 2018

– Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 Quy định về quản lý rừng bền vững;

– Thông tư 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.

5. Nội dung

5.1. Sơ đồ thực hiện



5.2. Mô tả chi tiết

5.2.1. Dụng cụ

- Máy định vị vệ tinh (GPS); bản đồ, địa bàn cầm tay;
- Thước dây (dài 50 - 100 m);
- Dụng cụ đo độ dốc;
- Thước đo đường kính thân cây;

- Dụng cụ đo cao;
- Máy ảnh;
- Túi đựng mẫu;
- Vật liệu khác: Sơn, nhãn, bút viết, dây buộc, cọc đánh dấu ô và phiếu điều tra vv

5.2.2. Thiết kế tuyến/điểm điều tra và lập ô tiêu chuẩn

a. Xác định tuyến khảo điều tra

- Dựa vào bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ tài nguyên rừng hoặc bản đồ thảm thực vật để xác định tuyến điều tra, sao cho tuyến điều tra đi qua tất cả các sinh cảnh (trạng thái thảm thực vật) và các dạng địa hình khác nhau trong khu vực cần điều tra.

- Cụ ly các tuyến phụ thuộc vào mức độ chi tiết của việc điều tra và có thể dao động từ 100 m-500 m.

- Hướng tuyến phải vuông góc với đường đồng mức chính để có thể ghi nhận được sự thay đổi của thành phần thực vật theo địa hình hoặc trạng thái thảm thực vật.

- Trên các tuyến lựa chọn, cần đánh dấu, chia đoạn để điều tra chi tiết, ghi chép, thu thập dữ liệu.

5.2.3. Phương pháp đo đếm thực vật

a. Đo đếm cây trên tuyến điều tra

- Trên tuyến điều tra đã xác định, ghi chép toàn bộ các loài thực vật đã gặp. Đối với các loài quan trọng (có giá trị bảo tồn, các loài có giá trị sử dụng cao, loài đang bị khai thác mạnh trong vùng cần điều tra ...) cần ghi chép tỷ mỉ số lượng cá thể đã gặp, tình trạng sinh trưởng của các cá thể bao gồm cả vật hậu và dấu vết bị xâm hại vv ...

- Đối với các loài thân gỗ, cần xác định tên loài, đo chiều cao vút ngọn, đường kính ngang ngực, đặc điểm sinh trưởng, phẩm chất cây. Đối với các loài thân thảo, cần xác định tên loài, ước lượng độ che phủ (%), đặc điểm phân bố (cụm hay rải rác vv..). Đối với thực vật ngoại tầng, điều tra trong ô sơ cấp hoặc thứ cấp, các thông tin gồm tên, số lượng, phẩm chất cây (tốt, trung bình, xấu), tầng phân bố của loài (Phụ lục 1).

- Nếu các loài đã gặp chưa xác định được tên tại hiện trường, cần đặt ký hiệu cho cây và thu hái mẫu (lá, hoa, quả, vỏ, rễ, củ vv ... và chụp ảnh để tra cứu sau).

b. Đo đếm cây trong ô tiêu chuẩn

- Trong ô tiêu chuẩn sơ cấp hoặc ô thứ cấp, đo, đếm tất cả các cây thân gỗ có $D > 5$ cm (cây thân gỗ tầng cao). Các bước đề xuất đo đếm trong ô tiêu chuẩn như sau

- Xác định tên loài (tên cây) nên được tiến hành trước khi đo đường kính ngang ngực.

- Đo và ghi các chỉ số vào phiếu điều tra (Phụ lục 1), gồm: đường kính ngang ngực, chiều cao vút ngọn, phẩm chất cây (tốt, trung bình, xấu).

- Trong ô dạng bản, xác định tên và đo chiều cao tất cả các cây có $D < 5\text{cm}$ (cây tái sinh). Phẩm chất cây và tình hình sinh trưởng cũng được ghi chép vào phiếu điều tra (Phụ lục 1).

- Đối với thực vật thân thảo, điều tra trong ô dạng bản gồm tên, độ che phủ, số lượng.

c. Điều tra phỏng vấn theo phiếu

- Đối tượng phỏng vấn gồm lãnh đạo chính quyền, cán bộ lâm nghiệp và người dân địa phương, đặc biệt những người sống phụ thuộc vào nguồn tài nguyên rừng. Số lượng người phỏng vấn phụ thuộc vào quy mô của việc điều tra. Các chỉ số thu thập gồm các loài, mức độ phong phú, tình hình khai thác, sử dụng vv ...

5.2.4. Phân tích, đánh giá đa dạng thực vật

- Số liệu sau khi điều tra được tập hợp thành bảng Danh mục thực vật của khu vực nghiên cứu. Danh mục bao gồm tên loài (tên Việt Nam và tên khoa học), họ. Ngoài ra còn có các thông tin khác như dạng sống, yếu tố địa lý, công dụng, giá trị bảo tồn (cao, thấp). Các thông tin này được tổng hợp từ các tài liệu về thực vật (ví dụ từ Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật và cơ sở dữ liệu mở về tài nguyên thực vật của các bảo tàng, web site trên thế giới vv ...).

- Sau khi lập được danh mục, cần thống kê theo phần trăm (%) để tìm hiểu sự đa dạng về các bậc phân loại.

5.2.5. Viết báo cáo kết quả điều tra đa dạng thực vật

Báo cáo kết quả điều tra đa dạng thực vật cần có các phần sau:

a. Đặt vấn đề: Nêu được lý do và mục đích của việc điều tra đa dạng thực vật

b. Đối tượng nghiên cứu

c. Nội dung nghiên cứu

d. Phương pháp nghiên cứu

- Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Phương pháp lập và số lượng ô tiêu chuẩn

- Các chỉ tiêu đo đếm trong ô tiêu chuẩn và dụng cụ sử dụng khi đo đếm các chỉ tiêu.

- Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

e. Kết quả nghiên cứu

- Căn cứ vào nội dung nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu phải đảm bảo được tất cả các nội dung đề ra. Trong mỗi nội dung, kết quả của tất cả các chỉ số đo đếm, phân tích số liệu phải được trình bày đầy đủ và tập trung vào các vấn đề sau:

- Đa dạng các taxon (chi, loài, họ...) ghi nhận được.

- Tổ thành loài và công thức tổ thành loài
- Đa dạng của hệ thực vật khu vực nghiên cứu.
- Giá trị khoa học và bảo tồn của hệ thực vật trong khu vực nghiên cứu (các loài đặc hữu, các loài nằm trong sách đỏ Việt Nam, trong Nghị định 32, Nghị định 06, trong Danh lục đỏ thế giới, trong CITES, vv...).

Ngoài ra, tùy vào yêu cầu của nghiên cứu, một số vấn đề sau cũng có thể trình bày trong báo cáo:

- Giá trị kinh tế của khu hệ thực vật nghiên cứu - Những đặc trưng cơ bản và giá trị của thảm thực vật khu vực nghiên cứu. - Các hệ sinh thái thảm thực vật có giá trị bảo tồn cao tại khu vực nghiên cứu.
- Các giá trị khác của thảm thực vật khu vực nghiên cứu (bảo vệ và cải thiện môi trường, tham quan, du lịch, nghiên cứu, sinh cảnh cho các loài khác vv..).

Trong trường hợp kết quả điều tra có các loài thực vật quý hiếm đang bị đe dọa, có nguy cơ tuyệt chủng, cần xây dựng bản đồ thảm thực vật và bản đồ phân bố các loài thực vật trên trong khu vực nghiên cứu, trong đó có các loại bản đồ sau:

- Bản đồ thảm thực vật khu vực nghiên cứu
- Bản đồ (hay sơ đồ) phân bố các loài thực vật quan trọng (các loài đặc hữu, các loài nằm trong sách đỏ Việt Nam, trong Nghị định 32, Nghị định 60, trong Danh mục đỏ thế giới, trong CITES, các loài chỉ thị, các loài đang bị khai thác mạnh vv...).

f. Xác định các nguy cơ đe dọa đối với tính đa dạng và tài nguyên thực vật khu vực nghiên cứu.

g. Đề xuất về khai thác, sử dụng, bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thực vật trong khu vực nghiên cứu.

10. Tổ chức thực hiện

- Phòng Quản lý kỹ thuật và Đội sản xuất chịu trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện điều tra đa dạng hệ thực vật rừng.
- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Phòng, Ban, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Ban Tổng Giám đốc để nghiên cứu, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung./.

11. Lưu hồ sơ:

- Hồ sơ lưu giữ 5 năm

12. Phụ lục 1

Biểu mẫu điều tra thực vật

ĐIỀU TRA THỰC VẬT RỪNG

Số hiệu tuyến điều

Tọa độ điểm đầu:Tọa độ điểm cuối:

Địa điểm:Tên khu rừng:.....Tên chủ rừng.....

Xã..... Tỉnh.....

TT	Tên loài	Dạng sống	Công dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Ghi chú: Ghi tọa độ các loài nguy cấp, quý, hiếm; loài được chụp ảnh, số hiệu ảnh.

Người điều tra:

Thời gian điều tra (ngày/tháng/năm):